



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 35

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**CÔNG TY**

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Cảng Ba Ngòi - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 168/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 1 năm 2009 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4200272350. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Vốn điều lệ là 245.018.170.000 VND (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, không trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CAM RANH PORT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: CAM RANH PORT

Trụ sở chính tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng quản trị</b>	Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Lê Minh Khôi	Phó Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Dương Văn Thành	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Nguyễn Viết Nhâm	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên, bổ nhiệm ngày 27/10/2015

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Dương Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Nguyễn Viết Nhâm	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 25/6/2015

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Hữu Tấn**  
**Tổng Giám đốc**

Cam Ranh, ngày 08 tháng 03 năm 2016

Số: 78/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi


thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



  
Nguyễn Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**  
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2016

  
Nguyễn Tiến Trình  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	25/06/2015
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>61.962.625.722</b>	<b>69.776.988.225</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>32.495.161.793</b>	<b>33.371.753.986</b>
1. Tiền	111		32.495.161.793	13.371.753.986
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.653.109.380</b>	<b>13.354.208.662</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.278.448.895	9.756.781.335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		488.316.000	10.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.315.210.648	3.587.427.327
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(428.866.163)	-
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>646.667.277</b>	<b>1.058.097.132</b>
1. Hàng tồn kho	141		646.667.277	1.058.097.132
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.167.687.272</b>	<b>21.992.928.445</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	71.183.448	107.729.179
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.7	19.096.503.824	21.240.904.727
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.7	-	644.294.539
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>325.615.415.914</b>	<b>332.584.793.693</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>984.876.000</b>	<b>984.876.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	984.876.000	984.876.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>316.229.325.450</b>	<b>322.784.764.684</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	316.229.325.450	322.784.764.684
- Nguyên giá	222		462.108.121.097	461.809.826.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.878.795.647)	(139.025.061.867)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>18.548.000</b>	<b>69.427.933</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.548.000	69.427.933
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>5.174.361.847</b>	<b>5.174.361.847</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.504.361.847	3.504.361.847
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.670.000.000	1.670.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.208.304.617</b>	<b>3.571.363.229</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.3	3.208.304.617	3.571.363.229
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>387.578.041.636</b>	<b>402.361.781.918</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	25/06/2015
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>137.216.763.655</b>	<b>157.343.611.918</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.849.789.655</b>	<b>47.847.713.825</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.491.926.592	1.716.995.940
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		103.066.936	284.887.775
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	219.062.318	13.200.000
4. Phải trả người lao động	314		4.413.609.144	278.763.094
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	136.683.658	164.114.064
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	24.262.242.752	45.072.254.697
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		223.198.255	317.498.255
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>106.366.974.000</b>	<b>109.495.898.093</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	1.607.774.000	2.131.712.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	54.000.000	54.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	104.705.200.000	107.310.186.093
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>250.361.277.981</b>	<b>245.018.170.000</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>250.361.277.981</b>	<b>245.018.170.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.343.107.981	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		5.343.107.981	-
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (430 = 300+400)	<b>440</b>		<b>387.578.041.636</b>	<b>402.361.781.918</b>

Cam Ranh, ngày 08 tháng 03 năm 2016

Người lập



Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Tấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 25/6/2015	Từ ngày 25/6/2014
			đến 31/12/2015	đến 31/12/2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	55.792.599.016	55.266.321.675
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	55.792.599.016	55.266.321.675
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	42.381.384.754	46.163.903.738
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.411.214.262	9.102.417.937
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	691.398.299	296.374.577
7. Chi phí tài chính	22	5.20	793.321.581	5.131.700.299
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		793.321.581	5.130.254.669
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	164.043.586	155.798.282
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	8.568.833.631	8.064.953.614
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.576.413.763	(3.953.659.681)
11. Thu nhập khác	31	5.23	1.604.344.167	652.818.816
12. Chi phí khác	32	5.23	1.712.449	41.702.665
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.602.631.718	611.116.151
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.179.045.481	(3.342.543.530)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	835.937.500	4.664.262
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.343.107.981	(3.347.207.792)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	218	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		218	

Cam Ranh, ngày 08 tháng 03 năm 2016

Người lập  
  
Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc  
  
Phạm Hữu Tấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.179.045.481	(3.342.543.530)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	6.853.733.780	7.422.146.828
- Các khoản dự phòng	03	428.866.163	39.435.330
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	(8.029.135)
- Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	174.114.064	(1.070.812.527)
- Chi phí lãi vay	06	793.321.581	5.130.254.669
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	14.429.081.069	8.170.451.635
- Biến động các khoản phải thu	09	5.416.634.022	(15.840.458.939)
- Biến động hàng tồn kho	10	411.429.855	344.931.818
- Biến động các khoản phải trả	11	713.871.821	15.654.065.563
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	399.604.343	699.312.203
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.919.720.114)	(1.550.108.339)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.223.197.615)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.000.000	44.322.581
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(99.300.000)	(20.397.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.356.600.996	6.278.921.906
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(247.414.613)	(4.303.492.180)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	619.207.517	281.082.639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	371.792.904	2.977.590.459
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	104.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(106.604.986.093)	(1.188.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.604.986.093)	(1.188.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(876.592.193)	8.067.912.365
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.371.753.986	7.477.981.360
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	32.495.161.793	15.545.893.725

Cam Ranh, ngày 08 tháng 03 năm 2016

  
Người lập

Hồ Nguyễn Tú Anh

  
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Phương



Tổng Giám đốc

Phạm Hữu Tấn

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Cảng Ba Ngòi - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 168/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 1 năm 2009 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4200272350. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CAM RANH PORT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: CAM RANH PORT.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là 245.018.170.000 VND (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, không trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Sở hữu vốn:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	19.823.015	198.230.150.000	80,90%
Các cổ đông khác	4.678.802	46.788.020.000	19,10%
<b>Cộng</b>	<b>24.501.817</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 175 người.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quản lý khai thác cảng biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa. Sửa chữa tàu biển. Đại lý, môi giới, cung ứng dịch vụ hàng hải. Dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển. Vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải.
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa ven biển;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa nhiên liệu, chất đốt;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ;
- Dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Hoạt động quản lý khai thác biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Bán lẻ hàng hóa nhiên liệu, chất đốt.

**1.3 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các công ty con, công ty đầu tư dài hạn khác như sau:

	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Kinh doanh dịch vụ	51%	51%
<b>Công ty đầu tư dài hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh	Kinh doanh dịch vụ Vận tải	7,83%	7,83%
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Xây dựng, kinh doanh đô thị	2,13%	2,13%

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 25/06/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

Từ các năm sau

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2015 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Nha Trang tại ngày 31/12/2015.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Nha Trang tại ngày 31/12/2015.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

<b>Thời điểm</b>	<b>Ngân hàng</b>	<b>Tỷ giá mua vào</b>	<b>Tỷ giá bán ra</b>
24/06/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	21.785 VND/USD	21.835 VND/USD
31/12/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Nha Trang	22.450 VND/USD	22.540 VND/USD

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28/6/2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2014/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2014.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015</b>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 30
Phương tiện vận tải	03 - 05
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 10

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm. Riêng lợi thế kinh doanh thương mại phát sinh trong quá trình cổ phần hóa được phân bổ không quá 10 năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 15% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 15% lợi nhuận sau thuế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
Tiền mặt	422.582.500	31.150.762
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.072.579.293	13.340.603.224
Tương đương tiền (*)	-	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.495.161.793</b>	<b>33.371.753.986</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với thời gian đáo hạn dưới 3 tháng.

**5.2 Các khoản phải thu khách hàng**

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>6.278.448.895</b>	<b>9.756.781.335</b>
CN Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1-Trạm nghiên Cam Ranh	-	1.266.700.800
Công ty Cổ phần Đồng Nai	1.011.654.600	-
Công ty TNHH Kwang Jin Việt Nam	657.347.751	-
Các đối tượng còn lại	4.609.446.544	8.490.080.535
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.278.448.895</b>	<b>9.756.781.335</b>

**5.3 Các khoản phải thu khác***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		25/6/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.315.210.648</b>	<b>-</b>	<b>3.587.427.327</b>	<b>-</b>
- Phải thu Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Tạm nộp lợi nhuận	3.022.033.540	-	3.022.033.540	-
- Phải thu người lao động	59.777.108	-	60.231.574	-
- Tạm ứng	233.400.000	-	423.700.000	-
- Phải thu khác - Thuế GTGT bậc số 2	-	-	81.462.213	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>984.876.000</b>	<b>-</b>	<b>984.876.000</b>	<b>-</b>
Chi phí giải phóng mặt bằng hành chính Cảng chờ khấu trừ tiền thuê đất Ngân sách nhà nước	984.876.000	-	984.876.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.300.086.648</b>	<b>-</b>	<b>4.572.303.327</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.4 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		25/6/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP xây dựng & Ứng dụng Công Nghệ Mới	113.319.150	-	113.319.150	113.319.150
Cty TNHH MTV Vận tải tàu cao tốc Bắc Nam	84.292.500	-	84.292.500	84.292.500
Công ty TNHH Hưng Phát	83.070.900	-	83.070.900	83.070.900
Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ Hải Gia	99.453.843	-	99.453.843	99.453.843
CN Khánh Hòa-Cty CP vận tải dầu khí Việt Nam	42.395.293	-	42.395.293	42.395.293
Công ty TNHH An Trung	6.334.477	-	6.334.477	6.334.477
<b>Cộng</b>	<b>428.866.163</b>	<b>-</b>	<b>428.866.163</b>	<b>428.866.163</b>

*Trong đó:*

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty CP xây dựng & Ứng dụng Công Nghệ Mới	-	-	-	113.319.150
Cty TNHH MTV Vận tải tàu cao tốc Bắc Nam	-	-	-	84.292.500
Công ty TNHH Hưng Phát	-	-	-	83.070.900
Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ Hải Gia	-	-	-	99.453.843
CN Khánh Hòa-Cty CP vận tải dầu khí Việt Nam	-	-	-	42.395.293
Công ty TNHH An Trung	-	-	-	6.334.477

**5.5 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		25/6/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	127.011.229	-	89.391.034	-
Công cụ, dụng cụ	290.542.323	-	407.642.255	-
Hàng hóa	229.113.725	-	561.063.843	-
<b>Cộng</b>	<b>646.667.277</b>	<b>-</b>	<b>1.058.097.132</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.6 Chi phí trả trước**

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>71.183.448</b>	<b>107.729.179</b>
- Mua bảo hiểm các loại tài sản thời hạn 12 tháng	71.183.448	107.729.179
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.208.304.617</b>	<b>3.571.363.229</b>
- Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	3.112.959.381	3.470.999.593
- Lợi thế kinh doanh thương mại	95.345.236	100.363.636
<b>Cộng</b>	<b>3.279.488.065</b>	<b>3.679.092.408</b>

**5.7 Thuế và các khoản phải thu và phải trả Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	25/6/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
<b>Phải nộp</b>	<b>13.200.000</b>	<b>229.562.318</b>	<b>23.700.000</b>	<b>219.062.318</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	191.642.961	-	191.642.961
Thuế thu nhập cá nhân	13.200.000	37.919.357	23.700.000	27.419.357
<b>Phải thu</b>	<b>21.885.199.266</b>	<b>2.772.500.151</b>	<b>5.561.195.593</b>	<b>19.096.503.824</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	21.240.904.727	2.772.500.151	4.916.901.054	19.096.503.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	644.294.539	-	644.294.539	-
<b>Số thuế phải thu</b>	<b>21.871.999.266</b>	<b>2.542.937.833</b>	<b>5.537.495.593</b>	<b>18.877.441.506</b>

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
<b>a) Chi mua sắm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) Chi xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>18.548.000</b>	<b>69.427.933</b>
Dự án kho bãi phía tây	-	69.427.933
Chi phí quy hoạch phân khu Cảng	18.548.000	-
<b>c) Chi sửa chữa</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>18.548.000</b>	<b>69.427.933</b>

**5.9 Phải trả người bán***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		25/6/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.491.926.592</b>	<b>1.491.926.592</b>	<b>1.716.995.940</b>	<b>1.716.995.940</b>
Công ty TNHH Khai thác TM Vận tải Khánh Lâm	769.499.500	769.499.500	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Cam Ranh	186.860.520	186.860.520	-	-
Công ty CP Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh	320.605.890	320.605.890	807.647.782	807.647.782
Công ty TNHH An Khang	-	-	228.481.795	228.481.795
Các đối tượng còn lại	214.960.682	214.960.682	680.866.363	680.866.363
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.491.926.592</b>	<b>1.491.926.592</b>	<b>1.716.995.940</b>	<b>1.716.995.940</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 25/06/2015	429.680.246.432	20.827.351.958	10.402.468.630	899.759.531	461.809.826.551
Tăng trong kỳ	298.294.546	-	-	-	298.294.546
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	298.294.546				298.294.546
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>429.978.540.978</b>	<b>20.827.351.958</b>	<b>10.402.468.630</b>	<b>899.759.531</b>	<b>462.108.121.097</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 25/06/2015	121.313.954.407	10.986.562.047	6.116.944.929	607.600.484	139.025.061.867
Tăng trong kỳ	6.002.832.744	440.018.716	376.409.861	34.472.459	6.853.733.780
Khấu hao trong kỳ	6.002.832.744	440.018.716	376.409.861	34.472.459	6.853.733.780
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>127.316.787.151</b>	<b>11.426.580.763</b>	<b>6.493.354.790</b>	<b>642.072.943</b>	<b>145.878.795.647</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 25/06/2015	308.366.292.025	9.840.789.911	4.285.523.701	292.159.047	322.784.764.684
Tại ngày 31/12/2015	302.661.753.827	9.400.771.195	3.909.113.840	257.686.588	316.229.325.450

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 282.363.131.754 đồng

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 0 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***Số dư cuối năm chi tiết theo từng công ty liên kết**Đơn vị tính: VND*

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2015				25/6/2015			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				<b>3.060.000.000</b>	<b>3.504.361.847</b>	-		<b>3.060.000.000</b>	<b>3.504.361.847</b>	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh(*)	51%	51%	306.000	3.060.000.000	3.504.361.847	-	306.000	3.060.000.000	3.504.361.847	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				<b>1.670.000.000</b>	<b>1.670.000.000</b>	-		<b>1.670.000.000</b>	<b>1.670.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô Cam Ranh	7,83%	7,83%	5.000	500.000.000	500.000.000	-	1.148.449	500.000.000	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	2,13%	2,13%	117.000	1.170.000.000	1.170.000.000	-	213.200	1.170.000.000	1.170.000.000	-
<b>Cộng</b>				<b>4.730.000.000</b>	<b>5.174.361.847</b>	-		<b>4.730.000.000</b>	<b>5.174.361.847</b>	-

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201228688 ngày 09 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh với số tiền 3.060.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ số vốn đã đăng ký. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện định giá xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển hình thức từ công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần. Theo đó, giá trị đầu tư vào Công ty con sau khi xác định lại với giá trị là 3.504.361.847 đồng, tăng 444.361.847 đồng so với số vốn thực góp.

*Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:*

Đối tượng đầu tư	Nội thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	29 Nguyễn Trọng Kỳ, Cam Ranh, Khánh Hòa Nơi thành lập: Sở KH-ĐT Khánh Hòa	Dịch vụ hàng hải
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô Cam Ranh	02 ĐL Hùng Vương, Cam Ranh, Khánh Hòa Nơi thành lập: Sở KH-ĐT Khánh Hòa	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	70 Nguyễn Trọng Kỳ, Cam Ranh, Khánh Hòa Nơi thành lập: Sở KH-ĐT Khánh Hòa	Cấp nước và dịch vụ đô thị

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.12 Chi phí phải trả**

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>136.683.658</b>	<b>164.114.064</b>
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn	-	140.930.406
Các khoản phải trả khác	136.683.658	23.183.658
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>136.683.658</b>	<b>164.114.064</b>

**5.13 Phải trả khác**

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>24.262.242.752</b>	<b>45.072.254.697</b>
Kinh phí công đoàn	-	57.823.102
Bảo hiểm y tế	97.673.156	34.549.561
Phải trả về cổ phần hoá	-	98.080.743
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.164.569.596	44.831.801.291
<b>b) Dài hạn</b>	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	54.000.000	54.000.000
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.316.242.752</b>	<b>45.126.254.697</b>

<b>Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
Quỹ giữ hộ bảo dưỡng bến cát	66.268.900	68.358.900
Lãi vay được hoãn còn phải trả Maritimebank	-	20.713.041.695
Phải trả Vinalines (VAT&CP khởi công Bến số 2)	24.048.300.696	24.048.300.696
Phải trả khác	50.000.000	2.100.000
<b>Cộng</b>	<b>24.164.569.596</b>	<b>44.831.801.291</b>

**5.14 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.607.774.000</b>	<b>2.131.712.000</b>
Công ty TNHH Công Nghiệp	956.760.000	1.125.600.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sáng Tạo Á Châu	651.014.000	1.006.112.000
<b>c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.607.774.000</b>	<b>2.131.712.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2015		Trong năm		25/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>104.705.200.000</b>	<b>104.705.200.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>102.604.986.093</b>	<b>107.310.186.093</b>	<b>107.310.186.093</b>
- Từ 60 tháng trở lên	104.705.200.000	104.705.200.000	100.000.000.000	102.604.986.093	107.310.186.093	107.310.186.093
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-	-	101.918.286.093	101.918.286.093	101.918.286.093
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Nha Trang	4.705.200.000	4.705.200.000	-	686.700.000	5.391.900.000	5.391.900.000
Ngân hàng Vietcombank - Nha Trang	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>104.705.200.000</b>	<b>104.705.200.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>102.604.986.093</b>	<b>107.310.186.093</b>	<b>107.310.186.093</b>

**(\* Vay ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Nha Trang**

Số tiền được vay	Theo hợp đồng tín dụng số 0208/11/TD/11 ngày 06/12/2011: Vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền 9.414.000.000 đồng.
Mục đích vay	Tài trợ dự án lắp đặt trụ cầu cố định tại bến số 1 Cảng Cam Ranh
Thời hạn vay	96 tháng, theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
Lãi suất vay	19,8%/năm, thay đổi với chu kỳ 3 tháng 1 lần
Hình thức đảm bảo tiền vay	Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị của cầu tàu Liebhery trị giá 13.370.000.000 đồng
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015	4.705.200.000 đồng

**(\*\*) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang**

Số tiền được vay	Theo hợp đồng tín dụng số 5381/TDDA/TD ngày 25/12/2015: Vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền 100.000.000.000 đồng.
Mục đích vay	Tái cấu trúc dài hạn thanh toán các nghĩa vụ tài chính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư xây dựng Bến số 2 (giai đoạn 1) Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
Thời hạn vay	144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Lãi suất vay	Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7%/năm; từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 49 trở đi theo thông báo của Ngân hàng.
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thê chấp Công trình xây dựng trên đất và trên mặt nước (nếu có) bao gồm cầu cảng, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị đồng bộ, hệ thống kho, bãi, đường nội bộ tại Bến số 1 và Bến số 2 - Cảng Cam Ranh, phường Cam Kinh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015	100.000.000.000 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư XDCB</b>	<b>Tổng</b>
Số dư tại 25/06/2014	158.407.466.403	42.165.690.920	-		200.573.157.323
Tăng trong kỳ	86.610.703.597	-	179.392.425	19.156.182.126	105.946.278.148
Lợi nhuận sau thuế	-	-	(3.347.207.792)		(3.347.207.792)
Chuyển nguồn theo TT 106/2007	86.610.703.597	-	3.526.600.217	19.156.182.126	109.293.485.940
Giảm trong kỳ	-	42.165.690.920	179.392.425	19.156.182.126	61.501.265.471
Chuyển nguồn theo TT 106/2007	-	42.165.690.920	179.392.425		42.345.083.345
Điều chỉnh về phải trả khác	-	-	-	19.156.182.126	19.156.182.126
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>245.018.170.000</b>
Số dư tại 25/6/2015	245.018.170.000	-	-	-	245.018.170.000
Tăng trong kỳ	-	-	5.343.107.981	-	5.343.107.981
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.343.107.981		5.343.107.981
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>-</b>	<b>5.343.107.981</b>	<b>-</b>	<b>250.361.277.981</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	12.871.916.110	16.150.201.661
Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.920.682.906	39.116.120.014
<b>Cộng</b>	<b>55.792.599.016</b>	<b>55.266.321.675</b>

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	12.013.044.504	15.743.134.459
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.368.340.250	30.420.769.279
<b>Cộng</b>	<b>42.381.384.754</b>	<b>46.163.903.738</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	619.207.517	281.082.639
Lãi chênh lệch tỷ giá	72.190.782	15.291.938
<b>Cộng</b>	<b>691.398.299</b>	<b>296.374.577</b>

**5.20 Chi phí tài chính**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	793.321.581	5.130.254.669
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.445.630
<b>Cộng</b>	<b>793.321.581</b>	<b>5.131.700.299</b>

**5.21 Chi phí bán hàng**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	110.400.000	110.400.000
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	19.144.415	23.612.792
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.749.171	4.725.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.750.000	17.060.000
<b>Cộng</b>	<b>164.043.586</b>	<b>155.798.282</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.181.207.656	4.706.099.988
Chi phí vật liệu quản lý	77.930.201	144.609.310
Chi phí đồ dùng văn phòng	331.609.868	155.822.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	400.021.117	437.022.866
Thuế phí và lệ phí	230.088.700	685.244.900
Chi phí dự phòng	428.866.163	39.435.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.602.887.547	1.286.352.382
Chi phí bằng tiền khác	316.222.379	610.366.638
<b>Cộng</b>	<b>8.568.833.631</b>	<b>8.064.953.614</b>

**5.23 Thu nhập/Chi phí khác**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	41.818.182	-
Tiền phạt thu được	-	-
Các khoản khác	1.562.525.985	652.818.816
<b>Cộng</b>	<b>1.604.344.167</b>	<b>652.818.816</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	1.712.449	41.702.665
<b>Cộng</b>	<b>1.712.449</b>	<b>41.702.665</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>1.602.631.718</b>	<b>611.116.151</b>

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.179.045.481	(3.342.543.530)
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>45.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thù lao thành viên HĐQT không điều hành</i>	<i>45.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>6.224.045.481</b>	<b>(3.342.543.530)</b>
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển (*)</i>	<i>2.424.329.571</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>3.799.715.910</b>	<b>(3.342.543.530)</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	4.664.262
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>835.937.500</b>	<b>(3.347.207.792)</b>

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

(\*) Quyết toán Thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần tại ngày 24/6/2015 Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh có số lỗ 2.424.329.571 đồng được chuyển lỗ cho các kỳ kê khai nghĩa vụ thuế TNDN tiếp theo. Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty đã quyết toán vốn chủ sở hữu để xác định giá trị vốn điều lệ cho công ty cổ phần tại thời điểm ngày 24/06/2015. Tại kỳ kê khai để xác định nghĩa vụ thuế TNDN cho năm tài chính đầu tiên này của công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh chuyển lỗ 2.424.329.571 đồng từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh để quyết toán thuế TNDN. Tại khoản 3 Điều 9 Thông tư Số: 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN: “Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế đến thời điểm có quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản của cơ quan có thẩm quyền, số lỗ của doanh nghiệp phát sinh trước khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất phải được theo dõi chi tiết theo năm phát sinh và bù trừ vào thu nhập cùng năm của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất hoặc được tiếp tục chuyển vào thu nhập của các năm tiếp theo của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất để đảm bảo nguyên tắc chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ”.

**5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.343.107.981	(3.347.207.792)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.343.107.981	(3.347.207.792)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.501.817	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>218</b>	

**5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.591.091	1.341.811.522
Chi phí nhân công	7.946.255.636	13.715.873.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.460.714.486	6.680.584.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.262.952.725	22.909.367.546
Chi phí khác bằng tiền	1.328.414.435	6.481.764.646
<b>Cộng</b>	<b>49.095.928.373</b>	<b>51.129.401.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****A. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng, thù lao và các khoản khác	827.246.000	-

**B. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
<b><u>Giao dịch mua</u></b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.680.262.369	16.432.210.965
<b>Cộng</b>			<b>2.680.262.369</b>	<b>16.432.210.965</b>
<b><u>Giao dịch bán</u></b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	Công ty con	Mua nguyên liệu Cung cấp dịch vụ	554.345.773 11.704.546	291.116.733 -
<b>Cộng</b>			<b>566.050.319</b>	<b>291.116.733</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**B. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>24/06/2015 VND</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Phải thu khách hàng	Mua nguyên liệu	-	111.850.250
	Phải thu khác	Thu tiền chi hộ	-	-
	Phải thu khác	Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu và khác	3.022.033.540	3.103.495.753
<b>Cộng</b>			<b>3.022.033.540</b>	<b>3.215.346.003</b>

**Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>24/06/2015 VND</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Phải trả khác	Giá trị cầu cảng bến số 2	-	896.084.340
	Phải trả khác	Chi phí lãi vay	-	-
	Phải trả khác	Thuế GTGT	24.048.300.696	24.048.300.696
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	Phải trả cho người bán	Cung cấp dịch vụ	807.647.782	320.605.890
<b>Cộng</b>			<b>24.855.948.478</b>	<b>25.264.990.926</b>

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.495.161.793	33.371.753.986
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.916.269.380	13.905.384.662
Đầu tư tài chính dài hạn khác	1.670.000.000	1.670.000.000
<b>Tổng</b>	<b>44.081.431.173</b>	<b>48.947.138.648</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	104.705.200.000	107.310.186.093
Phải trả người bán và phải trả khác	25.808.169.344	46.843.250.637
Chi phí phải trả	136.683.658	164.114.064
<b>Tổng</b>	<b>130.650.053.002</b>	<b>154.317.550.794</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro về giá**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

## 6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

## Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tại 31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	25.754.169.344	54.000.000	25.808.169.344
Chi phí phải trả	136.683.658	-	136.683.658
Các khoản vay	-	104.705.200.000	104.705.200.000
<b>Tổng</b>	<b>25.890.853.002</b>	<b>104.759.200.000</b>	<b>130.650.053.002</b>
Tại 25/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	46.789.250.637	54.000.000	46.843.250.637
Chi phí phải trả	164.114.064	-	164.114.064
Các khoản vay	-	107.310.186.093	107.310.186.093
<b>Tổng</b>	<b>46.953.364.701</b>	<b>107.364.186.093</b>	<b>154.317.550.794</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.495.161.793	-	32.495.161.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.931.393.380	984.876.000	9.916.269.380
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	1.670.000.000	1.670.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.426.555.173</b>	<b>2.654.876.000</b>	<b>44.081.431.173</b>
Tại 25/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.371.753.986	-	33.371.753.986
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.920.508.662	984.876.000	13.905.384.662
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	1.670.000.000	1.670.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.292.262.648</b>	<b>2.654.876.000</b>	<b>48.947.138.648</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25 tháng 06 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.3 Số liệu so sánh**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 25/06/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 01/01/2015 (VND)	Chênh lệch
	Theo Thông tư 200 VND	Theo Quyết Định 15 VND	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
<b>A. Phần Tài sản</b>	<b>4.572.303.327</b>	<b>4.572.303.327</b>	<b>-</b>
Phải thu ngắn hạn khác	3.587.427.327	3.163.727.327	(423.700.000)
Tài sản ngắn hạn khác	-	423.700.000	423.700.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	984.876.000	984.876.000
Phải thu dài hạn khác	984.876.000	-	(984.876.000)
<b>B. Phần Nguồn vốn</b>	<b>1.286.700.000</b>	<b>1.286.700.000</b>	<b>-</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.286.700.000	1.286.700.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.286.700.000	-	(1.286.700.000)

Cam Ranh, ngày 08 tháng 03 năm 2016

Người lập  


Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng  


Nguyễn Huy Phương



Phạm Hữu Tấn